

Ngày 24 tháng 08, 2026

Danh mục đầu tư tăng trưởng

	Tỷ suất lợi nhuận danh mục	Tỷ suất lợi nhuận VN-Index
Bình quân 3 năm gần nhất	↑ +19.8%	↑ +17.8%
Năm 2026	↓ -2.4%	↓ -1.7%

Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

“Tăng trưởng lợi nhuận chưa phản ánh vào giá”

• Danh mục đầu tư tăng trưởng đạt tỷ suất lợi nhuận giảm gần 2.4% YTD chủ yếu do diễn biến thị trường chung và áp lực bán ròng mạnh của khối ngoại. GMD là cổ phiếu duy nhất đóng góp hiệu suất tích cực, với mức tăng 32.6% YTD, trong khi diễn biến của các cổ phiếu còn lại chưa phản ánh tương xứng với nền tảng cơ bản.

• Kết quả kinh doanh 1H/2026 của danh mục tiếp tục ghi nhận tăng trưởng mạnh, với tổng doanh thu tăng 54.8% YoY và lợi nhuận ròng tăng 43.8% YoY, trong đó tăng trưởng được ghi nhận trên tất cả các nhóm ngành. Tuy nhiên, đà tăng trưởng lợi nhuận chưa được phản ánh tương xứng vào giá cổ phiếu, tạo dư địa cho quá trình định giá lại khi tâm lý thị trường cải thiện.

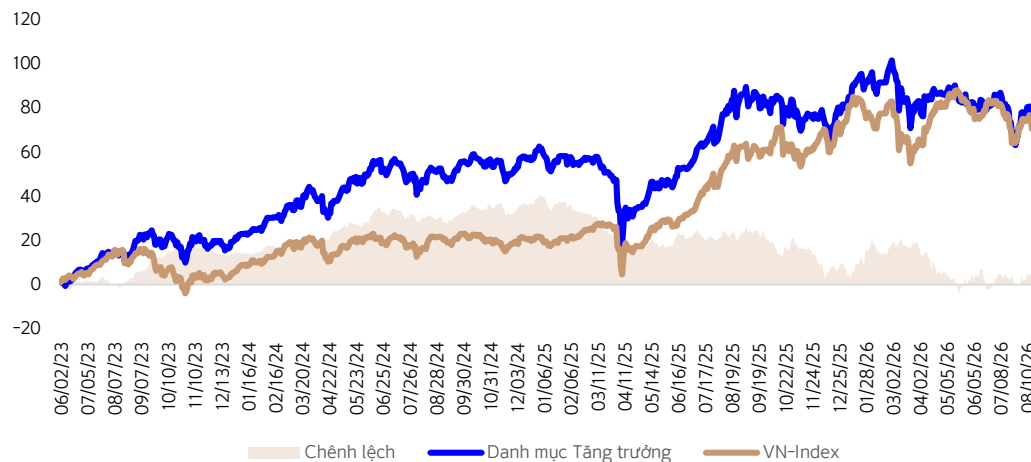
• Chúng tôi kỳ vọng danh mục sẽ cải thiện hiệu suất trong 2H/2026, nhờ các động lực chính:

- ❖ Nhóm ngân hàng (TCB, MBB, VPB, HDB) tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì tích cực, trong khi xu hướng khối ngoại đảo chiều sang mua ròng từ tháng 8 có thể hỗ trợ định giá nhóm ngân hàng.
- ❖ Nhóm đầu tư công (HPG): tiến độ giải ngân được kỳ vọng bước vào giai đoạn tăng tốc, tạo động lực trực tiếp cho nhu cầu thép và vật liệu xây dựng.
- ❖ Nhóm bán lẻ (MWG): mặt bằng lãi suất hạ nhiệt được kỳ vọng cải thiện sức mua và thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng.

Khuyến cáo hiệu quả đầu tư:

Lợi nhuận và đặc điểm của Danh mục đầu tư được tính toán dựa trên các chứng khoán riêng lẻ trong Danh mục đầu tư vào ngày báo cáo. Chứng khoán trong Danh mục đầu tư có thể thay đổi và hiệu suất đầu tư trong quá khứ không đảm bảo lợi nhuận trong tương lai. Đối với Thông báo tuần thủ và Miễn trừ trách nhiệm, vui lòng tham khảo Phụ lục ở cuối báo cáo này.

Tỷ suất lợi nhuận của danh mục đầu tư Tăng trưởng và VN-Index (%)



Phân tích danh mục

	Danh mục	VN-Index
P/E (x)	8.4	11.7
P/B (x)	1.6	1.9
Lợi suất cổ tức (%)	2.2	2.0
Tăng trưởng EPS (*) (%)	13.1	5.5
ROE (%)	21.8	17.3
ROA (%)	7.3	5.5
Beta	0.9	1.0
Tỷ suất lợi nhuận (*) (%)	19.8	17.8
Độ lệch chuẩn (*) (%)	21.0	18.5
Tỷ số Sharpe (*)	0.73	0.72

Dữ liệu tại ngày 20/08/2026
(*) Bình quân 3 năm gần nhất

Nguồn: SSV, Bloomberg

Tổng quan chiến lược

Danh mục đầu tư Tăng trưởng được thiết kế nhằm hướng tới mục tiêu đạt được tỷ suất lợi nhuận hấp dẫn hơn so với lợi nhuận trung bình của VN-Index và có thể trải qua mức độ biến động cao. Chúng tôi lựa chọn những cổ phiếu trong danh mục với những tiêu chí sau:

- Công ty có mức tăng trưởng lợi nhuận bền vững qua các năm.
- Công ty có thể ghi nhận lợi nhuận đột phá.
- Có nền tảng tài chính vững mạnh và được quản trị tốt.
- Tiếp tục tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Nguyễn Phương Thảo
(84-28) 6299-7751
thao.np@shinhan.com



Danh mục đầu tư Tăng trưởng

Top picks

Thông tin chung				Giá cổ phiếu					Chỉ số tài chính (**)				Định giá 26F	
Stt	Mã	Tên doanh nghiệp	Vốn hóa (tỷ VND)	Thị giá (VND)	Giá MT* (VND)	Upside (%)	1M (%)	YTD (%)	NPM (%)	D/E (x)	ROA (%)	ROE (%)	P/B (x)	P/E (x)
1	VPB	NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	203,901	24,900	36,000	44.5	-0.5	-11.5	35.5	2.2	2.2	17.7	1.4	9.7
2	HDB	NHTMCP Phát Triển TP.HCM	136,644	26,850	34,000	26.6	0.0	-9.6	44.3	0.3	2.0	24.8	1.7	7.6
3	TCB	NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	224,279	31,000	42,000	35.4	3.5	-9.3	49.0	1.1	2.2	15.7	1.5	10.1
4	MBB	NHTMCP Quân Đội	209,933	20,300	26,100	28.5	6.8	0.1	42.2	0.1	1.9	21.6	1.6	8.5
5	FPT	Công ty cổ phần FPT	123,431	69,800	95,400	36.6	4.0	-26.1	17.1	0.4	12.7	26.4	2.3	13.6
6	GMD	Công ty cổ phần Gemadept	33,505	77,000	89,600	16.3	1.3	29.8	48.5	0.1	12.7	19.4	2.8	14.4
7	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	183,212	21,150	35,900	69.7	2.6	-10.6	12.2	0.7	8.9	17.3	1.4	10.3
8	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di Động	110,682	72,700	107,300	47.5	-1.8	-16.4	5.6	0.8	11.1	29.2	3.7	14.4

* Giá mục tiêu (giá trị hợp lý) trong 12 tháng tới

** Số liệu 12 tháng tính tới Q2/2026

Nguồn: SSV Research, Bloomberg
Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

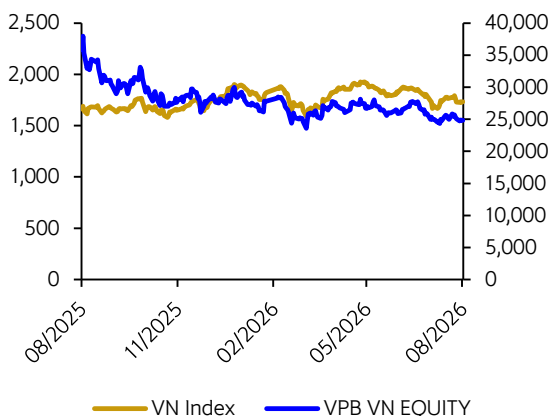
Giá mục tiêu (12 tháng) **36,000 VND**

Giá hiện tại (20/08/26) **24,900 VND**

Suất sinh lời (%) **44.5%**

VNINDEX	1,734
P/E thị trường (x)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	203,901
SLCP lưu hành (triệu CP)	7,934
Tự do giao dịch (triệu CP)	7,243
Cao nhất 52 tuần (VND)	38,900
Thấp nhất 52 tuần (VND)	23,900
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	14.05
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	357
Hệ số Beta	1.1

Cổ đông lớn (%)	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	15.0
	Ngô Chí Dũng	4.1



Luận điểm đầu tư:

VPB hiện là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất Việt Nam. Sau thương vụ hợp tác với SMBC, VPBank là NHTM có vốn chủ sở hữu lớn thứ hai Việt Nam, đứng sau VCB. Điều này giúp ngân hàng tiếp cận được nhiều phân khúc khách hàng, bao gồm: khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và doanh nghiệp FDI.

Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Tổng thu nhập hoạt động đạt 43.4 nghìn tỷ đồng (+35% YoY). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 18.9 nghìn tỷ đồng (+68% YoY), đạt 48% kế hoạch đề ra. Động lực tăng trưởng đến từ dư nợ tín dụng mở rộng mạnh, thu nhập lãi thuần tăng, phí dịch vụ phục hồi và đóng góp ngày càng lớn của VPBankS, OPES cùng các thành viên trong hệ sinh thái.
- Dư nợ cấp tín dụng tại ngân hàng mẹ đạt gần 1.05 triệu tỷ đồng tại cuối tháng 6/2026, tăng 24.6% so với đầu năm và tăng 12.6% chỉ trong quý 2. Phân khúc khách hàng doanh nghiệp, bao gồm SME, tiếp tục là động lực chính. Tổng huy động tại ngân hàng mẹ đạt khoảng 1.1 triệu tỷ đồng, tăng 21.5% từ đầu năm và 10.3% so với quý trước.
- NIM của ngân hàng mẹ đạt 4.54%, gần như đi ngang so với mức 4.55% trong quý 1 nhưng thấp hơn 28 điểm cơ bản so với cuối năm 2025. NIM đi ngang trong bối cảnh chi phí vốn tăng có thể xem là kết quả tương đối tích cực. Tuy nhiên, nếu chi phí huy động tiếp tục tăng trong nửa cuối năm, khả năng duy trì NIM quanh 4.5% sẽ là một thách thức.
- Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ theo Thông tư 31 ở mức 2.03%, tương đương cuối năm 2025 và cao hơn mức 1.82% của cùng kỳ năm trước. Nợ xấu chưa tăng mạnh dù tín dụng mở rộng nhanh là tín hiệu tương đối tích cực. Tuy nhiên, tỷ lệ 2.03% vẫn cao hơn một số ngân hàng có chiến lược tín dụng thận trọng hơn.
- FE Credit ghi nhận lợi nhuận trước thuế khoảng 153 tỷ đồng trong sáu tháng đầu năm 2026. Trong đó, lợi nhuận quý 2 ước đạt gần 75 tỷ đồng. FE Credit đã chuyển từ giai đoạn thua lỗ sang duy trì lợi nhuận dương. Đây là điểm cải thiện quan trọng so với thời kỳ khó khăn trước đây. Tuy nhiên, mức lợi nhuận sáu tháng mới chỉ hoàn thành khoảng 13% kế hoạch năm. Chi phí dự phòng vẫn gần bằng toàn bộ lợi nhuận trước dự phòng, cho thấy chất lượng tài sản chưa phục hồi hoàn toàn.

Rủi ro: (1) NIM tiếp tục suy giảm, (2) Khả năng thu hồi nợ không như kỳ vọng.

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	41,021	38,175	49,080	58,663	75,540
Thu nhập ngoài lãi (tỷ VND)	6,348	7,096	13,166	15,991	19,016
Thu nhập hoạt động (tỷ VND)	47,459	45,271	62,246	74,654	94,557
Thu nhập hoạt động trước dự phòng (đồng)	43,681	35,832	47,906	56,023	72,200
LNST công ty mẹ (đồng)	18,175	10,058	15,570	23,990	28,860
EPS	2,507	1,089	2,014	3,070	3,911
ROE	17.8	7.1	11.1	14.9	15.8
P/E (x)	15.1	34.8	18.8	12.3	9.7
P/B (x)	1.2	1.1	1.0	1.6	1.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

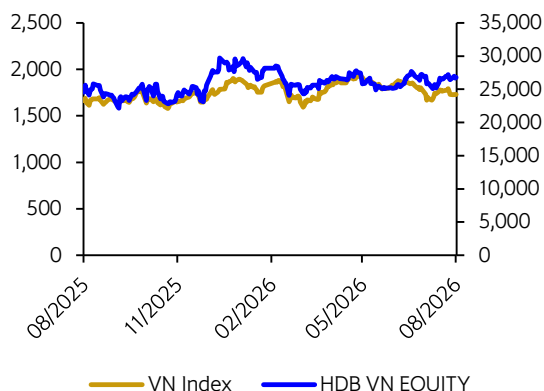
Giá mục tiêu (12 tháng) **34,000 VND**

Giá hiện tại (20/08/26) **26,850 VND**

Suất sinh lời (%) **26.6%**

VNINDEX	1,734
P/E thị trường (x)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	136,644
SLCP lưu hành (triệu CP)	5,005
Tỷ lệ giao dịch (triệu CP)	3,871
Cao nhất 52 tuần (VND)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VND)	21,873
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	10.9
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	274
Hệ số Beta	1.0

Cổ đông lớn (%)	Sovico	7.7
	Nguyễn Thị Phương Thảo	2.1



Luận điểm đầu tư:

HDB là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất Việt Nam. HDB hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về bán lẻ, tiêu dùng và doanh nghiệp SME. HDB sẽ đẩy mạnh tiếp cận khách hàng khu vực nông nghiệp và nông thôn thông qua chuyển đổi số để phát triển thị trường này. Không những thế, HDB cũng sẽ tập trung phát triển phân khúc trung và cao cấp - priority banking trong thời gian tới.

Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt 22.7 nghìn tỷ đồng (+9% YoY), lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 13 nghìn tỷ đồng (+31% YoY).
- Dư nợ tín dụng đạt 698 nghìn tỷ đồng, tăng 18.76%, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế như sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, nông nghiệp, hạ tầng, chuỗi cung ứng và tiêu dùng thiết yếu. Huy động vốn đạt 932 nghìn tỷ đồng, tăng 12.1%, trong đó tiền gửi từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng trên 20%.
- NIM cải thiện so với quý trước. NIM trong Q2/2026 đạt 4.11% (+32 bps QoQ, -158 bps YoY), chủ yếu nhờ tác động tái định giá lợi suất tích cực hơn, đóng góp từ phân khúc bán lẻ được cải thiện (đặc biệt là các khoản cho vay khách hàng cá nhân/hộ gia đình), tăng trưởng cho vay trung và dài hạn, cùng với việc tiếp tục tối ưu LDR.
- Hệ số chi phí trên thu nhập (CIR) giảm còn 24.9%, thuộc nhóm thấp nhất trong các ngân hàng tư nhân, phản ánh hiệu quả của chiến lược chuyển đổi số, tự động hóa vận hành và nâng cao năng suất.
- Các đơn vị thành viên tiếp tục ghi nhận kết quả tăng trưởng tích cực: Các công ty con đóng góp đáng kể vào lợi nhuận. Chúng tôi ước tính tổng lợi nhuận đóng góp từ các công ty con đạt khoảng 2.3 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 17% lợi nhuận hợp nhất trong 1H/2026. Đây là quý đầu tiên HDB hợp nhất HD Securities, với công ty con này ghi nhận 1.5 nghìn tỷ đồng LNTT (+286% YoY; ROE 28%). Trong khi đó, HD SAISON đạt hơn 804 tỷ đồng LNTT (ROE 22%).

Rủi ro: (1) tăng trưởng tín dụng không đạt như kỳ vọng, (2) NIM tiếp tục thu hẹp do chi phí vốn gia tăng và mảng bán lẻ phục hồi chậm, và (3) mặt bằng lãi suất tăng cao gây áp lực lên chất lượng tài sản.

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	18,012	22,184	30,856	34,476	42,772
Thu nhập ngoài lãi (tỷ VND)	3,956	4,230	3,172	7,941	8,229
Thu nhập hoạt động (tỷ VND)	21,968	26,414	32,706	42,687	51,071
Thu nhập hoạt động trước dự phòng (đồng)	13,336	17,284	21,751	31,073	38,295
LNST công ty mẹ (đồng)	7,750	10,071	12,763	16,053	21,668
EPS	1,599	2,013	2,581	3,407	4,473
ROE	23.5	24.1	25.7	25.3	25.6
P/E (x)	19.3	15.3	11.9	10.0	7.6
P/B (x)	1.1	1.4	1.4	2.1	1.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

Giá mục tiêu (12 tháng) **42,000 VND**

Giá hiện tại (20/08/2026) **31,000 VND**

Suất sinh lời (%) **35.4%**

VNINDEX	1,734
P/E thị trường (x)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	224,279
SLCP lưu hành (triệu CP)	7,086
Tự do giao dịch (triệu CP)	5,825
Cao nhất 52 tuần (VND)	42,500
Thấp nhất 52 tuần (VND)	27,800
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	12.6
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	399
Hệ số Beta	1.1

Cổ đông lớn (%) **CTCT Tập đoàn Masan** **14.84**

Luận điểm đầu tư:

Techcombank là một trong những ngân hàng cổ phần lớn nhất ở Việt Nam với những thành công đáng kể. TCB luôn chú trọng phát triển công nghệ để dẫn đầu trong hành trình số hóa của ngành tài chính. TCB tập trung phát triển ở phân khúc cho vay phát triển bất động sản và vay mua nhà, chúng tôi đánh giá về tương lai đây là phân khúc còn nhiều tiềm năng phát triển. Techcombank đặt mục tiêu lọt vào top 10 ngân hàng tốt nhất khu vực ASEAN, với vốn hóa thị trường đạt 20 tỷ USD, CASA đạt 55% vào năm 2025.

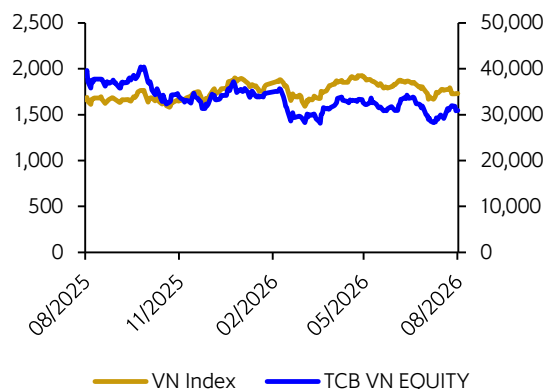
Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt 28.6 nghìn tỷ đồng (+17.5% YoY), lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 18.5 nghìn tỷ đồng (+22.5% YoY).
- Tín dụng tại ngân hàng mẹ tăng 11.6% so với đầu năm theo cách tính hạn mức của Ngân hàng Nhà nước. Nếu tính cả các khoản tài trợ hạ tầng và nhà ở xã hội được miễn hạn mức, tăng trưởng tín dụng đạt 14.3%. Điều này cho thấy nhu cầu tín dụng tăng tốc rõ rệt trong quý 2.
- Tỷ lệ CASA của TCB đạt 38.3% vào cuối Q2/2026, tăng nhẹ so với mức 37.9% của quý trước nhưng thấp hơn mức 41.1% tại Q2/2025. Trong nửa đầu năm, CASA cá nhân của Techcombank giảm 14% do khách hàng chuyển một phần tiền sang các sản phẩm có kỳ hạn trong môi trường lãi suất tiền gửi cao. Ngược lại, CASA doanh nghiệp tăng 23%, được hỗ trợ bởi hoạt động ngân hàng giao dịch.
- NIM riêng Q2/2026 của TCB đạt 3.4% (+29 bps QoQ, -10 bps YoY). NIM riêng quý 2 cải thiện nhờ lợi suất tài sản tăng, danh mục tín dụng được tối ưu và các khoản vay được tái định giá.
- Tỷ lệ nợ xấu của TCB đạt 1.15% vào cuối Q2/2026, giảm nhẹ so với mức 1.16% của quý trước và thấp hơn mức 1.32% tại Q2/2025. Việc tỷ lệ nợ xấu giảm trong khi tín dụng tăng nhanh cho thấy chất lượng tài sản tại thời điểm cuối quý vẫn được kiểm soát
- ROE TTM của TCB đạt 16%, cao hơn mức 14.5% cùng kỳ, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn được cải thiện. Thu nhập ngoài lãi tăng cũng giúp cơ cấu lợi nhuận trở nên cân bằng hơn.

Rủi ro: (1) Chi phí vốn tăng mạnh gây áp lực lên NIM; (2) Lãi suất tăng mạnh làm suy giảm chất lượng tài sản của ngành ngân hàng

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	30,290	27,691	35,508	38,155	45,331
Thu nhập ngoài lãi (tỷ VND)	10,612	12,370	11,482	15,236	18,910
Thu nhập hoạt động (tỷ VND)	40,902	40,061	46,990	53,391	64,242
Thu nhập hoạt động trước dự phòng (đồng)	27,504	26,809	31,621	36,959	44,523
LNST công ty mẹ (đồng)	20,150	18,004	21,523	25,290	29,638
EPS	5,810	5,164	3,080	3,663	4,292
ROE	19.8	14.8	15.6	15.9	15.9
P/E (x)	7.5	8.4	14.1	11.9	10.1
P/B (x)	0.8	1.0	1.3	1.7	1.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

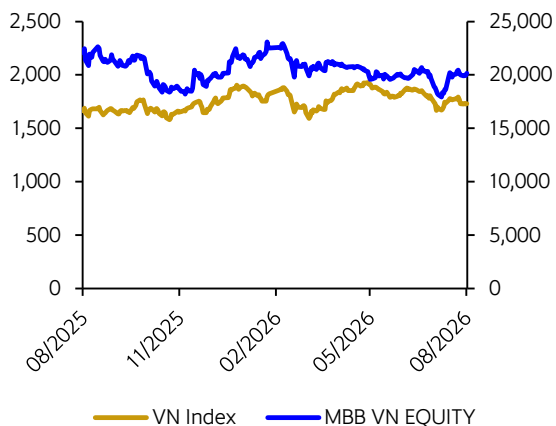


Giá mục tiêu (12 tháng) **26,100VND**

Giá hiện tại (20/08/26) **20,300 VND**

Suất sinh lời (%) **28.5%**

VNINDEX	1,734
P/E thị trường (x)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	209,933
SLCP lưu hành (triệu CP)	9,263
Tự do giao dịch (triệu CP)	6,412
Cao nhất 52 tuần (VND)	24,426
Thấp nhất 52 tuần (VND)	17,678
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	16.2
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	324
Hệ số Beta	1.0
Cổ đông lớn (%)	
Viettel	14.7
SCIC	9.8



Luận điểm đầu tư:

Ngân hàng TMCP Quân đội (HSX: MBB) có nhiều thành tích nổi bật trong những năm hoạt động gần đây, thể hiện qua chất lượng tài sản ổn định, lợi nhuận vượt trội cùng với xếp hạng tín nhiệm được đánh giá cao bởi các tổ chức xếp hạng quốc tế. MBB tiếp tục tập trung phát triển CNTT, chuyển đổi số hướng tới mục tiêu “Trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu”.

Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Tổng thu nhập hoạt động đạt 37.9 nghìn tỷ đồng (+16% YoY), LNTT đạt 20.2 nghìn tỷ đồng (+27% YoY).
- Tăng trưởng tín dụng đạt 13.2%, cao hơn đáng kể mức 8.5% của toàn hệ thống. Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ chủ yếu được thúc đẩy bởi cho vay bất động sản (+39% trong 6T, chiếm 14.3% dư nợ) và dịch vụ hộ gia đình (+18% trong 6T, chiếm 22% dư nợ), cùng với các phân khúc sản xuất, chế biến và thương mại đa dạng.
- Tiền gửi khách hàng chỉ tăng 4.6%, trong khi giấy tờ có giá tăng 24.7%, qua đó hỗ trợ đáng kể năng lực huy động vốn. Tỷ lệ CASA phục hồi nhẹ lên 34.6% (+1.5 bps QoQ; -3.3 bps % YoY), cao thứ hai trong hệ thống chỉ sau TCB, giúp phần nào giảm áp lực gia tăng chi phí vốn từ nguồn huy động qua giấy tờ có giá.
- NIM Q2 phục hồi lên 4.15% (+35 bps QoQ; +1 bps YoY), khi lợi suất tài sản sinh lãi (IEA) cải thiện nhiều hơn mức gia tăng của chi phí vốn. Tuy nhiên, để duy trì NIM ở mức của Q2, ngân hàng sẽ cần tiếp tục điều chỉnh lại lợi suất tài sản trong bối cảnh chi phí vốn vẫn chịu áp lực tăng. Điều này sẽ khó khăn hơn nếu MBB muốn sử dụng hết hạn mức tín dụng ưu đãi trong năm nay.
- Hiệu quả hoạt động của MB tiếp tục được phản ánh qua các chỉ số tài chính. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) hợp nhất ở mức 26.24%, còn CIR riêng lẻ chỉ 24.17%, thấp hơn từ 2% đến 2.7% so với năm trước. Đây là mức CIR thuộc nhóm thấp nhất trong hệ thống ngân hàng, cho thấy MB đang vận hành hiệu quả nhờ tối ưu quy trình, ứng dụng công nghệ và quản trị chi phí chặt chẽ.

Rủi ro: (1) Thanh khoản hệ thống ngân hàng tiếp tục gặp áp lực và làm giảm NIM. (2) Lãi suất cho vay tăng có thể gây áp lực lên chất lượng tài sản của ngân hàng trong các năm tiếp theo.

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	36,023	38,684	41,152	51,610	67,627
Thu nhập ngoài lãi (tỷ VND)	9,570	8,622	14,261	16,083	18,754
Thu nhập hoạt động (tỷ VND)	45,593	47,306	55,413	67,693	86,381
Thu nhập hoạt động trước dự phòng (đồng)	30,777	32,393	38,406	48,012	62,764
LNST công ty mẹ (đồng)	17,483	20,772	22,634	26,779	31,290
EPS	2,162	2,507	2,733	3,400	3,972
ROE	25.6	23.9	21.5	21.1	20.5
P/E (x)	15.7	13.6	12.4	10.0	8.5
P/B (x)	1.9	1.8	1.5	1.9	1.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

Giá mục tiêu (12 tháng) **95,400 VND**

Giá hiện tại (20/08/26) **69,800 VND**

Suất sinh lời (%) **36.6%**

VNINDEX 1,734

P/E thị trường (x) 12.3

Vốn hóa (tỷ VND) 123,431

SLCP lưu hành (triệu CP) 1,714

Tự do giao dịch (triệu CP) 1,535

Cao nhất 52 tuần (VND) 108,700

Thấp nhất 52 tuần (VND) 61,500

KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP) 8.8

GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND) 595

Hệ số Beta 0.7

Trương Gia Bình 6.7

Cổ đông lớn (%) SCIC 5.7

Luận điểm đầu tư:

CTCP FPT (HoSE: FPT) là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ với các mảng kinh doanh cốt lõi, có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ cùng với sức khỏe tài chính lành mạnh. FPT đang nhanh chóng từ một đơn vị gia công phần mềm truyền thống thành một nhà tiên phong trong lĩnh vực DX thông qua các sản phẩm B2B tự phát triển, ứng dụng những công nghệ mới nhất như Trí tuệ nhân tạo (AI), Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), Blockchain, Điện toán Đám mây và Internet vạn vật (IoT).

Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

FPT ghi nhận doanh thu 26.2 nghìn tỷ đồng (+12.6% YoY), lợi nhuận trước thuế 5.7 nghìn tỷ đồng (+18.1% YoY).

1. Khối Công nghệ: doanh thu đạt 23.1 nghìn tỷ đồng (+15% YoY) và lợi nhuận trước thuế đạt 3.3 nghìn tỷ đồng (+17% YoY)

- Trong đó, doanh thu Dịch vụ CNTT tại nước ngoài +13% YoY, LNTT tăng 12% YoY. Xét theo thị trường, Nhật Bản tiếp tục là bệ đỡ lớn nhất với mức tăng trưởng 24.9%, trong khi thị trường Mỹ ghi nhận sự phục hồi rõ nét với mức tăng 7.8% sau khi các hợp đồng ký mới bắt đầu được triển khai từ quý 2. Châu Âu duy trì ổn định ở ngưỡng 1,000-1,200 tỷ đồng mỗi quý, còn khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn ghi nhận sự sụt giảm nhẹ 2.0% do khách hàng tại Malaysia và Hàn Quốc trì hoãn ký kết hợp đồng mới trước những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông.
- Trong 6 tháng đầu năm, FPT cũng trúng 14 dự án quy mô trên 10 triệu USD, tăng 27.3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu tích cực cho triển vọng doanh thu trong các quý tiếp theo.
- Dịch vụ CNTT trong nước: điểm sáng với doanh thu +23% YoY, LNTT tăng 101% YoY nhờ đẩy mạnh dịch vụ chuyển đổi số tại khối chính quyền địa phương cũng như khối tư nhân ở các lĩnh vực tài chính số và thương mại điện tử.
- FPT đẩy mạnh chuyển dịch sang các mô hình công nghệ cao, AI và đạt chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trung gian dữ liệu.

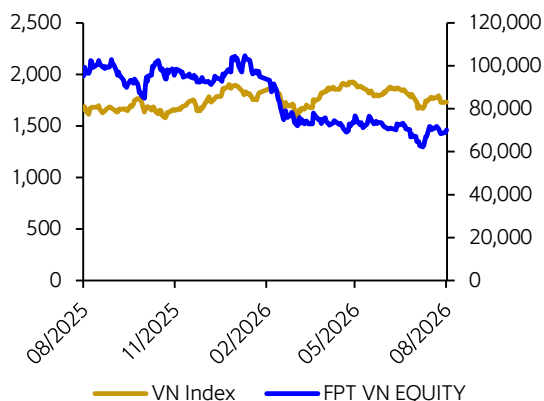
2. Dịch vụ viễn thông và mạng giáo dục gần như đi ngang so với cùng kỳ.

Rủi ro: (1) Nhu cầu CNTT thấp hơn dự kiến; (2) Rủi ro tỷ giá; (3) Cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ.

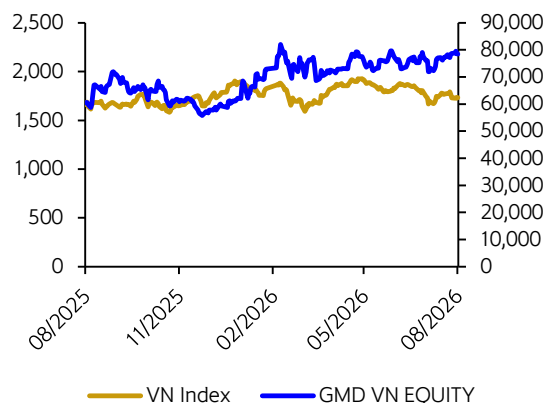
Năm	2022	2023	2024	2025	2026F(*)
Doanh thu thuần (tỷ VND)	44,010	52,618	62,849	70,113	56,888
LN từ HĐKD (tỷ VND)	6,795	8,418	10,506	12,947	12,376
Biên LN HĐKD (%)	18.9	19.1	18.5	19.8	23.4
LNST của công ty mẹ (tỷ VND)	5,310	6,471	7,857	9,369	10,832
Biên LNR (%)	14.7	14.8	15.0	16.0	18.8
EPS (VND)	5,917	6,132	6,408	6,589	6,313
ROE (%)	26.7	27.8	28.7	28.2	23.1
P/E (x)	27.2	22.7	18.8	15.8	13.6
P/B (x)	4.9	4.0	3.5	2.9	2.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

(*) FPT chuyển đổi cơ cấu hạch toán FPT Telecom từ công ty con sang mô hình công ty liên kết



Giá mục tiêu (12 tháng)	89,600 VND
Giá hiện tại (20/08/26)	77,000 VND
Suất sinh lời (%)	16.3%
VNINDEX	1,734
P/E thị trường (x)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	33,505
SLCP lưu hành (triệu CP)	426
Tự do giao dịch (triệu CP)	409
Cao nhất 52 tuần (VND)	89,500
Thấp nhất 52 tuần (VND)	56,900
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	1.29
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	95
Hệ số Beta	0.9
VI Fund II, LP	13.4
Cổ đông lớn (%)	



Luận điểm đầu tư:

GMD là một trong những công ty logistic hàng đầu Việt Nam, có mạng lưới Cảng và Logistics, hệ thống hiện đại bậc nhất. Các hoạt động kinh doanh chính: Khai thác cảng; Logistic. Gemadept sở hữu tổng cộng 8 cảng biển với công suất hàng năm lên đến 5 triệu TEUs và 5 triệu tấn hàng rời.

GMD có ưu thế sở hữu nhiều cảng ở vị trí địa lý thuận lợi. GMD tiếp tục khẳng định vị thế với các dự án tiềm năng đang được đầu tư mạnh mẽ: Cảng Quốc tế Gemalink giai đoạn 2; Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2 và 3. Hai dự án này dự kiến sẽ nâng công suất khai thác của Gemadept lên gấp đôi khi hoàn thành.

Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Trong 1H/2026, GMD ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng 71% YoY nhờ tăng trưởng hoạt động kinh doanh cốt lõi và khoản thu nhập bất thường từ thương vụ hoán đổi vốn cổ phần với CJ Logistics. Loại trừ yếu tố này, lợi nhuận cốt lõi ước tính vẫn tăng khoảng 24% YoY, phản ánh sự cải thiện của hoạt động khai thác cảng.
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng 1H/2026 đạt 2.7 tỷ đồng (+12.5% YoY), diễn biến tích cực đến từ sản lượng tăng trưởng của cụm cảng phía Nam ICD Phước Long và cảng Bình Dương, trong khi cảng Nam Đình Vũ ghi nhận sụt giảm 12% YoY.
- Lợi nhuận công ty liên doanh liên kết cũng tăng mạnh đạt 693 tỷ đồng (+47% YoY), chủ yếu nhờ đóng góp của lợi nhuận của cảng Gemalink ước tính gần 817 tỷ đồng (+61% YoY). Sản lượng qua cảng Gemalink tiếp tục tăng trưởng tốt 26% YoY trong bối cảnh mùa cao điểm được đẩy sớm và hưởng lợi luồng hàng dịch chuyển từ khu vực Singapore.
- Ngoài ra, GMD ghi nhận khoản tiền gần 700 tỷ đến từ thương vụ hoán đổi vốn cổ phần với CJ Logistics. Theo thỏa thuận, CJ Logistics tiếp quản toàn bộ mảng logistics, trong khi Gemadept sở hữu 100% mảng vận tải biển, qua đó hoàn tất quá trình tái cấu trúc để mỗi bên tập trung phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Rủi ro: (1) Rủi ro tình hình kinh tế thế giới, (2) Rủi ro liên quan đến giá dầu tăng và (3) Rủi ro chính trị

Năm	2022(*)	2023(*)	2024(*)	2025	2026F(*)
Doanh thu thuần (tỷ VND)	3,898	3,846	4,832	5,946	6,914
LN từ HĐKD (tỷ VND)	1,051	1,116	1,345	1,627	2,086
Biên LN HĐKD (%)	27.0	29.0	27.8	27.4	30.2
LNST của công ty mẹ (tỷ VND)	994	780	1,124	1,677	2,006
Biên LNR (%)	29.9	27.6	32.5	37.4	38.4
EPS (VND)	3,014	2,366	3,410	5,086	6,524
ROE (%)	15.0	10.1	10.7	13.2	15.7
P/E (x)	21.1	26.9	18.7	13.2	14.4
P/B (x)	3.0	2.9	2.8	2.8	2.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

(*) Chúng tôi loại bỏ lợi nhuận đột biến từ thoái vốn cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Hải và hoán đổi cổ phần với CJ Logistics

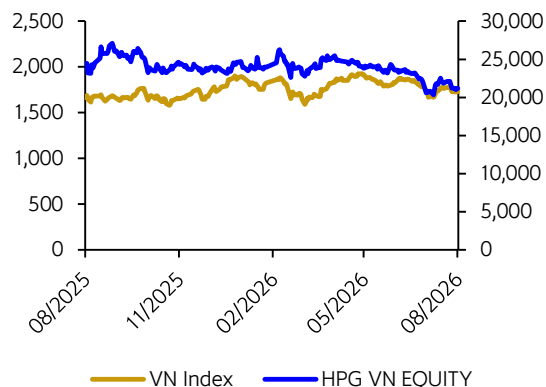
Giá mục tiêu (12 tháng) **35,900 VND**

Giá hiện tại (20/08/26) **21,150 VND**

Suất sinh lời (%) **69.7%**

VNINDEX	1,734
P/E thị trường (x)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	183,212
SLCP lưu hành (triệu CP)	8,443
Tự do giao dịch (triệu CP)	6,927
Cao nhất 52 tuần (VND)	28,045
Thấp nhất 52 tuần (VND)	20,100
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	24.7
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	482
Hệ số Beta	0.9

Cổ đông lớn (%)	Trần Đình Long	25.8
	Vũ Thị Hiền	6.8



Luận điểm đầu tư:

Tập Đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) là DN sản xuất thép số 1 tại Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á; Top 50 công ty thép lớn nhất trên thế giới; Hoạt động trong 04 lĩnh vực chính: gang thép, sản phẩm thép, nông nghiệp, bất động sản. HPG dẫn đầu thị trường nội địa về thép xây dựng (32%) và ống thép (27%); Top 5 nhà sản xuất tôn mạ; là DN Việt Nam duy nhất sản xuất được thép cuộn cán nóng HRC.

Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Công ty ghi nhận doanh thu thuần 108.8 nghìn tỷ đồng (+47% YoY) và LNST 15.4 nghìn tỷ đồng (+103% YoY). Lợi nhuận còn có sự đóng góp của khoản lợi nhuận gần 4 nghìn tỷ đồng từ việc chuyển nhượng dự án khu đô thị Phố Mới trong quý 1/2026. Nếu loại trừ khoản thoái vốn này, lợi nhuận cốt lõi của doanh nghiệp vẫn tăng trưởng gần 50% YoY
- Mảng thép tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của Hòa Phát, đóng góp khoảng 93% doanh thu và 68% tổng lợi nhuận Tập đoàn. Hòa Phát sản xuất gần 7 triệu tấn thép thô (+36% YoY), trong khi sản lượng tiêu thụ thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao, HRC và phôi thép đạt 6.5 triệu tấn (+32% YoY). Đáng chú ý, sản lượng HRC đạt gần 3.4 triệu tấn (+57% YoY), cho thấy nhu cầu đối với thép công nghiệp duy trì tích cực. Giá bán bình quân thép quý 2 đạt khoảng 14.6 triệu đồng mỗi tấn (+7% YoY). Biên lợi nhuận gộp quý 2 đạt 19%, cao hơn mức 15.8% của quý 1.
- Ở các mảng ngoài thép, nông nghiệp tiếp tục là lĩnh vực đóng góp lớn thứ hai, trong khi Hòa Phát đẩy mạnh mở rộng sang bất động sản khu công nghiệp và điện máy gia dụng, tạo thêm dư địa tăng trưởng và đa dạng hóa nguồn thu.
- Bên cạnh đó, dự án thép đặc biệt Dung Quất đang được triển khai đúng tiến độ, với hơn 50% khối lượng hoàn thành sau 7 tháng, dự kiến bắt đầu cung cấp sản phẩm từ Q1/2027, là động lực tăng trưởng dài hạn đáng chú ý của HPG.

Rủi ro: (1) Rủi ro biến động giá thép và giá than cốc; (2) Rủi ro thị trường Bất động sản nội địa phục hồi chậm; (3) Rủi ro thị trường Bất động sản Trung Quốc suy yếu; (4) Rủi ro cạnh tranh với thép giá rẻ đến từ Trung Quốc; (5) Rủi ro xuất khẩu qua Mỹ và Châu Âu.

Năm	2022	2023	2024	2025	2026f
Doanh thu thuần (tỷ VND)	141,409	118,953	138,855	156,116	208,587
LN từ HĐKD (tỷ VND)	13,078	9,669	13,267	17,906	23,330
Biên LN HĐKD (%)	9.2	6.4	9.6	11.5	11.2
LNST của công ty mẹ (tỷ VND)	8,484	6,835	12,020	15,450	21,054
Biên LNR (%)	6.0	5.7	8.7	9.9	10.1
EPS (VND)	1,452	1,117	1,566	2,013	2,494
ROE (%)	9.0	6.6	10.5	11.8	13.8
P/E (x)	12.4	23.8	16.4	12.7	10.3
P/B (x)	1.1	1.6	1.5	1.5	1.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026

Công ty cổ phần Đầu tư thế giới di động (MWG VN)



Giá mục tiêu (12 tháng) 107,300 VND

Giá hiện tại (20/08/26) 72,700 VND

Suất sinh lời (%) 47.5%

VNINDEX	1,734
P/E thị trường (26Fx)	12.3
Vốn hóa (tỷ VND)	110,682
SLCP lưu hành (triệu CP)	1,468
Tự do giao dịch (triệu CP)	1,266
Cao nhất 52 tuần (VND)	94,400
Thấp nhất 52 tuần (VND)	62,500
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	4.8
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	329
Hệ số Beta	1.1

Cổ đông lớn (%) Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ 10.4

Luận điểm đầu tư:

MWG là doanh nghiệp bán lẻ đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. MWG duy trì vị thế là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy số 1 Việt Nam (chiếm hơn 50% toàn thị trường); là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng, có chuỗi cửa hàng bách hóa đạt doanh số lớn nhất toàn quốc.

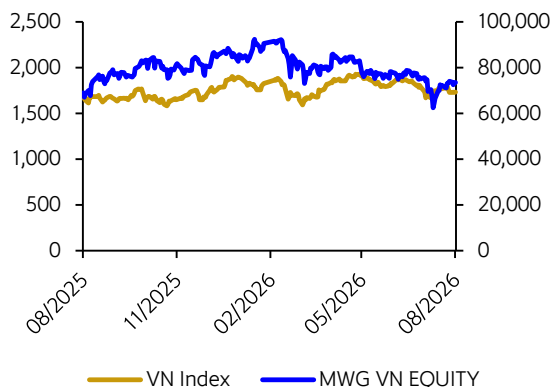
Cập nhật kết quả kinh doanh trong 1H2026:

- Trong 1H/2026, MWG ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với doanh thu thuần đạt hơn 95 nghìn tỷ đồng (+29% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 6.1 nghìn tỷ đồng (+90% YoY), chủ yếu nhờ đà tăng trưởng mạnh của chuỗi Điện Máy Xanh và Bách Hóa Xanh.
- Doanh thu chuỗi Điện máy xanh đạt 65.1 nghìn tỷ đồng (+31% YoY), trong khi LNST đạt 4.8 nghìn tỷ đồng (+73% YoY), đạt 66% chỉ tiêu lợi nhuận cho cả năm. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu cửa hàng hiện hữu (SSSG) của cả ba chuỗi đều ghi nhận tăng trưởng hai chữ số, phản ánh hiệu quả khai thác hệ thống tiếp tục được cải thiện.
- Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành hàng máy lạnh với doanh thu tăng 60% nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi. Chuỗi TopZone ghi nhận mức tăng trưởng 36% nhờ doanh số sản phẩm Apple tăng khoảng 50%, trong khi Điện Máy Xanh và Thế Giới Di Động lần lượt tăng 32% và 28% so với cùng kỳ.
- BHX ghi nhận doanh thu 1H/2026 đạt 28.3 nghìn tỷ đồng (+25% YoY), lợi nhuận lãi kỳ lục 906 tỷ đồng (+340% YoY), phản ánh đà tăng trưởng mạnh của chuỗi bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng. Đáng chú ý, toàn bộ 632 cửa hàng mở mới trong kỳ đều đã đạt lợi nhuận hoạt động dương ở cấp độ cửa hàng, kể cả sau khi phân bổ chi phí kho vận, cho thấy mô hình mở rộng của BHX đang ngày càng hiệu quả và thời gian hoàn vốn được rút ngắn đáng kể. Những kết quả ban đầu tại thị trường miền Bắc khá tích cực, tạo tiền đề để BHX tiếp tục mở rộng hiện diện tại khu vực này trong thời gian tới.

Rủi ro: (1) Rủi ro cạnh tranh; (2) Rủi ro lực cầu tiêu dùng yếu; (3) Rủi ro đa dạng hóa các mảng kinh doanh; (4) Rủi ro giảm giá hàng tồn kho..

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	133,405	118,280	134,341	156,458	189,353
LN từ HĐKD (tỷ VND)	6,575	1,047	5,227	8,667	11,849
Biên LN HĐKD (%)	4.9	0.9	3.9	5.5	6.3
LNST của công ty mẹ (tỷ VND)	4,100	168	3,722	7,037	8,963
Biên LNR (%)	3.1	0.1	2.8	4.5	4.8
EPS (VND)	2,801	115	2,546	4,788	7,037
ROE (%)	18.5	0.7	14.5	21.3	22.1
P/E (x)	29.8	729.2	33.1	19.3	16.4
P/B (x)	5.1	5.2	4.4	4.2	3.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities, Dữ liệu tại ngày 20/08/2026





SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang, Thu Thiem Ward,
Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.



Shinhan
Securities